

Bản án số 08/2019/DS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2019
V/v “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa:

+ *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ**; Địa chỉ trụ sở: Số 130 P, phường 3, quận P, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền có ông Trần Việt H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H (theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-ĐAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ; Quyết định ủy quyền số 994/QĐ-ĐAB-PC ngày 08/6/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ và Quyết định ủy quyền số 230/QĐ-ĐAB.ĐNg ngày 28/11/2018 của giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ). Ông H có mặt.

+ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trương Duy H**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: đường Lê, phường C, quận T, thành phố Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cũng như tranh tụng tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 06/8/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ– Chi nhánh Đ cho ông Nguyễn Trương Duy H vay vốn theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp

kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2014 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đợt vay 0129602001T14004 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).
- Thời hạn vay: 24 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng.
- Lãi suất cho vay: 8,5 %/năm.

Biện pháp đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

Trên cơ sở Hợp đồng cho vay đã ký kết, ngày 06/8/2014 Ngân hàng TMCP Đ giải ngân cho ông Nguyễn Trương Duy H 01 lần với số tiền: 20.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, từ ngày 06/8/2014 đến ngày 16/5/2015, ông H chỉ trả được tổng số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng), (*trong đó tiền vốn: 5.918.383đ; Lãi trong hạn: 1.858.666đ; Lãi quá hạn: 22.951đ*).

Tính đến ngày 04/10/2018, ông H còn nợ số tiền **20.512.967đ** (Bằng chữ: Hai mươi triệu, năm trăm mười hai ngàn, chín trăm sáu mươi bảy đồng), (*Trong đó nợ tiền vốn: 14.081.617đ; Lãi trong hạn: 1.541.334đ; Lãi quá hạn: 4.890.016đ*).

Do ông Nguyễn Trương Duy H không có ý thức trả nợ, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng Đ. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trương Duy H trả ngay cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 10/5/2019 là: 21.590.211đ (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm mười một đồng) (*gồm tiền vốn: 14.081.617đ; lãi trong hạn: 1.541.334đ; lãi quá hạn: 5.967.260đ*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2019 cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định của Ngân hàng Đ.

* **Bị đơn là ông Nguyễn Trương Duy H**, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Nguyễn Trương Duy H trả số tiền nợ vay gốc và lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm Khế ước nhận nợ ngày 05/8/2014. Ông Nguyễn Trương Duy H có địa chỉ cư trú tại đường L, phường C, quận T, thành phố Đ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộ đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa , nhưng bị đơn là ông Nguyễn Trương Duy H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã thể hiện:

Ngày 06/8/2014, Ngân hàng TMCP Đ cho ông Nguyễn Trương Duy H vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2014 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đọt vay 0129602001T14004 với nội dung: Ông Nguyễn Trương Duy H vay số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất cho vay: 8,5 %/năm; Thời hạn vay: 24 tháng; Số tiền góp 1 kỳ: 975.000 đồng; Ngày đáo hạn: Tháng 8/2016.

Đến ngày 16/5/2015, ông H chỉ trả được tổng số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng), (*trong đó tiền vốn: 5.918.383đ; Lãi trong hạn: 1.858.666đ; Lãi quá hạn: 22.951đ*).

Tính đến ngày 10/5/2019, ông H còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 21.590.211đ (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm mười một đồng) (*gồm tiền vốn: 14.081.617đ; lãi trong hạn: 1.541.334đ ;lãi quá hạn: 5.967.260đ*)

Như vậy, ông Nguyễn Trương Duy H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Trương Duy H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ là 21.590.211đ (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm mười một đồng) (*gồm tiền vốn: 14.081.617đ; lãi trong hạn: 1.541.334đ ;lãi quá hạn: 5.967.260đ*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2019 cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn là ông Nguyễn Trương Duy H.

Buộc ông Nguyễn Trương Duy H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 10/5/2019 là **21.590.211đ** (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm mười một đồng) (*gồm tiền vốn: 14.081.617đ; lãi trong hạn: 1.541.334đ ;lãi quá hạn: 5.967.260đ*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2019 cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trương Duy H phải chịu 1.079.510đ (*một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm mười đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 512.824đ (*năm trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số 0004429, ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đ.

Kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q.T, thành phố Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân